TÒA ÁN NHÂN DÂN TP VŨNG TÀU **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20-9-2019
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Kiên**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đặng Song Hoàn**

Ông **Nguyễn Văn Tám**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thảo** – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thu Hương** – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 543/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2019 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1972;

HKTT: 51 đường L, phường H, thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt)

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị Mai T, sinh năm 1981

HKTT: 51 đường L, phường H, thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lần làm việc tại Tòa, nguyên đơn – ông Nguyễn Văn Quang trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị Mai T sau một thời gian tìm hiểu thì tiến tới hôn nhân, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới năm 2012 và đăng ký kết hôn tại UBND phường 2, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 14-9-2016. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống với nhau bình thường và có 02 con chung. Đến đầu năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Tuy sống cùng một nhà nhưng vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa. Nay ông Nguyễn Văn Q xét

thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn bà Lê Thị Mai T.

- Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Lê Quang H, sinh ngày 23-12-2013 và Nguyễn Lê Mai U, sinh ngày 07-9-2016. Ông Q nhường quyền trực tiếp nuôi 02 con cho bà T, ông Q không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các lần làm việc tại Tòa án, bị đơn – Bà Lê Thị Mai T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà T xác nhận về điều kiện và quá trình đi tới hôn nhân giữa bà và ông Q như ông Q trình bày là đúng. Trong quá trình chúng sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là ông Q không lo làm việc mà chỉ lo đi chơi với bạn bè. Năm 2016, ông Q có quan hệ với người phụ nữ khác, bỏ bê con cái và công việc. Vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên bà T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Q.

- Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Bùi Nguyễn Lê Quang H, sinh ngày 23-12-2013 và Nguyễn Lê Mai U, sinh ngày 07-9-2016. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, ngày 03-7-2019 bà T gửi đơn xin đoàn tụ vì cho rằng các con còn nhỏ, muốn con có cha có mẹ dạy bảo nên không đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu cho rằng:

- Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa thì thấy yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Văn Q khởi kiện bà Lê Thị Mai T về việc "Ly hôn", bà T có nơi cư trú tại thành phố Vũng Tàu nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại Điều 28, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc vắng mặt bà Lê Thị Mai T tại phiên tòa: Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm, nhưng bà T vắng mặt không lý do

nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Q và bà Lê Thị Mai T có đăng ký kết hôn tại UBND phường 2, thành phố Vũng Tàu vào ngày 14-9-2016 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, ông Q và bà T phát sinh mâu thuẫn là có thật, điều này thể hiện qua lời trình bày của ông Q, bà T và kết quả xác minh tại địa phương nơi ông Q và bà T cư trú. Nguyên nhân mâu thuẫn bắt đầu từ năm 2016 là do ông Q và bà T bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải tạo điều kiện cho ông Q và bà T giải quyết mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình nhưng không đạt kết quả vì bà T không có mặt. Ông Q cương quyết yêu cầu được ly hôn với bà T, lúc đầu bà T đồng ý ly hôn nhưng sau đó lại xin đoàn tụ vì cho rằng các con còn nhỏ, muốn con có cha có mẹ dạy bảo. Tuy nhiên, khi Tòa án tiến hành hòa giải thì bà T lại vắng mặt, không tham gia điều này thể hiện bà T không có thiện chí trong việc hòa giải đoàn tụ gia đình. Như vậy, khả năng hàn gắn tình cảm giữa ông Q và bà T là không thể thực hiện được và mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Q yêu cầu được ly hôn với bà T là có cơ sở. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn Q đối với bà Lê Thị Mai T.

[2.2] Về con chung: Ông Q và bà T có 02 con chung là Nguyễn Lê Quang H, sinh ngày 23-12-2013 và Nguyễn Lê Mai U, sinh ngày 07-9-2016. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, ông Q đồng ý nhường quyền nuôi con cho bà T. Do đó, giao 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà T không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con nên ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Q được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Q và bà T không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí HNST: Ông Nguyễn Văn Q phải nộp 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 21, Điều 28, Điều 39, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14,

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q.

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Q được ly hôn với bà Lê Thị Mai T.

- Về con chung: Bà Lê Thị Mai T được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung là Nguyễn Lê Quang H, sinh ngày 23-12-2013 và Nguyễn Lê Mai U, sinh ngày 07-9-2016. Ông Nguyễn Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Q được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Q và bà T không yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Q phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007120 ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, ông Q đã nộp xong tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt, thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh BRVT;
- VKSND TP Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TPVT;
- Các đương sự;
- UBND phường 2, TP.Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ;